



NGUYỄN TRỌNG KHANH (Tổng Chủ biên) – HOÀNG ĐÌNH LONG (Chủ biên)  
NHỮ THỊ VIỆT HOA – NGUYỄN THỊ MAI LAN

# Công nghệ

## 3

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRỌNG KHANH (Tổng Chủ biên) – HOÀNG ĐÌNH LONG (Chủ biên)  
NHỮ THỊ VIỆT HOA – NGUYỄN THỊ MAI LAN

# Công nghệ

SÁCH GIÁO VIÊN

3

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



# Lời nói đầu

**Công nghệ 3 – Sách giáo viên** là tài liệu hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cấp Tiểu học về tổ chức dạy học môn Công nghệ lớp 3 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nội dung sách gồm hai phần:

## **Phần 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

Giới thiệu khái quát về chương trình môn Công nghệ cấp Tiểu học, về bộ sách Công nghệ 3, bao gồm sách giáo khoa, sách giáo viên và vở bài tập thuộc bộ sách Cánh Diều.

## **Phần 2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC**

Giới thiệu kế hoạch dạy các bài trong sách giáo khoa Công nghệ 3. Các kế hoạch bài dạy được thiết kế theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Phương pháp dạy học, phương tiện dạy học được lựa chọn phù hợp với mục tiêu của bài học và hoạt động học tập của học sinh.

Trong quá trình biên soạn sách, nhóm tác giả đã nhận được nhiều ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các đồng nghiệp và các giáo viên dạy môn Kỹ thuật ở cấp Tiểu học về cấu trúc của cuốn sách, về kế hoạch bài dạy,... Chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành đến tất cả vì những góp ý quý báu đó.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng nội dung cuốn sách có thể vẫn chưa làm thoả mãn được mong muốn của các giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cấp Tiểu học. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý để nội dung cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Hi vọng cuốn sách này sẽ giúp giáo viên dạy môn Công nghệ lớp 3 thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học của mình. Chúc các thầy, cô thành công!

**Các tác giả**

## 1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ CẤP TIỂU HỌC

### 1. Môn Công nghệ trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giáo dục công nghệ được thực hiện từ lớp 3 đến lớp 12 thông qua môn *Tin học và Công nghệ* ở cấp Tiểu học và môn Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.

Công nghệ là môn học bắt buộc trong giai đoạn giáo dục cơ bản; là môn học lựa chọn, thuộc nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật (Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật) trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Môn Công nghệ ở tiểu học là tên gọi mang tính quy ước. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, ở tiểu học có môn học *Tin học và Công nghệ*, được dạy ở các khối lớp 3, 4 và 5 với thời lượng 70 tiết/năm học. Môn *Tin học và Công nghệ* gồm hai phân môn độc lập là phân môn *Tin học* và phân môn *Công nghệ*, mỗi phân môn có thời lượng 35 tiết/năm học. Để các nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học môn *Tin học và Công nghệ* được linh hoạt, phù hợp với đặc điểm, điều kiện về đội ngũ giáo viên (GV) và cơ sở vật chất, hai phân môn được biên soạn sách giáo khoa độc lập với nhau. Vì thế, có thể gọi phân môn Công nghệ ở tiểu học là môn Công nghệ.

Môn Công nghệ có mối quan hệ với nhiều môn học khác trong Chương trình Giáo dục tiểu học như các môn: Toán, Khoa học, Tự nhiên và Xã hội,...

### 2. Mục tiêu môn Công nghệ cấp Tiểu học

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2018, giáo dục công nghệ ở cấp Tiểu học bước đầu hình thành và phát triển ở học sinh (HS) năng lực công nghệ trên cơ sở các mạch nội dung về công nghệ và đời sống, thủ công kĩ thuật; khơi dậy hứng thú học tập và tìm hiểu công nghệ. Kết thúc tiểu học, HS sử dụng được một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình đúng cách, an toàn; thiết kế được sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản; trao đổi được một số thông tin đơn giản về các sản phẩm công nghệ trong phạm vi gia đình, nhà trường; nhận xét được ở mức độ đơn giản về sản phẩm công nghệ thường gặp; nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống trong gia đình, ở nhà trường.

### 3. Yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ ở cấp Tiểu học

#### 3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chung

##### a) Yêu nước

- Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.
- Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.
- Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.

##### b) Nhân ái

- Yêu quý mọi người: Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ; biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.

- Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình; không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn; sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.

##### c) Chăm chỉ

- Ham học: Đi học đầy đủ, đúng giờ; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

- Chăm làm: Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình, các công việc của trường, lớp và cộng đồng vừa sức với bản thân.

##### d) Trung thực

- Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

- Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.

- Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác.

- Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

##### e) Trách nhiệm

- Có trách nhiệm với bản thân: Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe; có ý thức sinh hoạt nề nếp.

- Có trách nhiệm với gia đình: Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình; không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.

– Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội: Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công; không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau; nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nói công cộng; có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.

– Có trách nhiệm với môi trường sống: Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi; không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.

### **3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung**

#### *a) Năng lực tự chủ và tự học*

– *Tự lực*: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

– *Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng*: Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng.

– *Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình*: Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác; hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác; thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.

– *Thích ứng với cuộc sống*: Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề; thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau.

– *Định hướng nghề nghiệp*: Bộ lộ được sở thích, khả năng của bản thân; biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.

– *Tự học, tự hoàn thiện*: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học; nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô; có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết; có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.

#### *b) Năng lực giao tiếp và hợp tác*

– *Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp*: Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân; tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.

– *Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoà giải các mâu thuẫn*: Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.

– *Xác định mục đích và phương thức hợp tác*: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

– *Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân*: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

– *Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác*: Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp.

– *Tổ chức và thuyết phục người khác*: Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.

– *Đánh giá hoạt động hợp tác*: Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô.

– *Hội nhập quốc tế*: Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới; biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường.

c) *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*

– *Nhận ra ý tưởng mới*: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

– *Phát hiện và làm rõ vấn đề*: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

– *Hình thành và triển khai ý tưởng mới*: Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.

– *Đề xuất, lựa chọn giải pháp*: Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.

– *Thiết kế và tổ chức hoạt động*: Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn; nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động.

– *Tư duy độc lập*: Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.



### 3.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ

Môn Công nghệ hình thành và phát triển ở HS năng lực công nghệ, bao gồm 5 thành phần: nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế kĩ thuật. Biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ ở cấp Tiểu học như sau:

#### a) Năng lực nhận thức công nghệ

– Nhận ra được sự khác biệt của môi trường tự nhiên và môi trường sống do con người tạo ra.

– Nêu được vai trò của các sản phẩm công nghệ trong đời sống gia đình, nhà trường.

– Kể được về một số nhà sáng chế tiêu biểu cùng các sản phẩm sáng chế nổi tiếng có tác động lớn tới cuộc sống của con người.

– Nhận biết được sở thích, khả năng của bản thân đối với các hoạt động kĩ thuật, công nghệ đơn giản.

– Trình bày được quy trình làm một số sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản.

#### b) Năng lực giao tiếp công nghệ

– Nói, vẽ hay viết để mô tả những thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.

– Phác thảo bằng hình vẽ cho người khác hiểu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ đơn giản.

#### c) Năng lực sử dụng công nghệ

– Thực hiện được một số thao tác kĩ thuật đơn giản với các dụng cụ kĩ thuật.

– Sử dụng được một số sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.

– Nhận biết và phòng tránh được những tình huống nguy hiểm trong môi trường công nghệ ở gia đình.

– Thực hiện được một số công việc chăm sóc hoa và cây cảnh trong gia đình.

#### d) Năng lực đánh giá công nghệ

– Đưa ra được lí do thích hay không thích một sản phẩm công nghệ.

– Bước đầu so sánh và nhận xét được về các sản phẩm công nghệ cùng chức năng.

#### e) Năng lực thiết kế kĩ thuật

– Nhận thức được: muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải thiết kế; thiết kế là quá trình sáng tạo.

– Kể tên được các công việc chính khi thiết kế.

– Nêu được ý tưởng và làm được một số đồ vật đơn giản từ những vật liệu thông dụng theo gợi ý, hướng dẫn.

#### 4. Xây dựng mục tiêu bài học

Khi lập kế hoạch bài dạy, GV cần phân tích mục tiêu bài học thành các tiêu chí cụ thể về năng lực và phẩm chất. Cơ sở để xây dựng mục tiêu bài học là các tiêu chí cụ thể về phẩm chất và năng lực đã nêu trong mục 3 trên đây và nội dung mục tiêu của bài học trong sách giáo khoa. GV cũng cần lưu ý về cách diễn đạt mục tiêu.

Với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, mục tiêu của bài học được diễn đạt theo các tiêu chí và mức độ của năng lực và phẩm chất, sử dụng động từ theo cách diễn đạt của Nitko thay cho việc sử dụng danh từ theo cách diễn đạt của Bloom. GV có thể tham khảo cách diễn đạt mức độ năng lực công nghệ được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2018 (bảng 1) và cũng có thể tham khảo cách diễn đạt mức độ năng lực nói chung trong bảng 2.

Bảng 1. Mô tả mức độ năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2018

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
<b>Biết</b>	Kể tên, liệt kê, trình bày, nhận biết, nhận ra, phát hiện, tìm kiếm, nêu, mô tả, ghi nhớ.
<b>Hiểu</b>	Phân biệt, tính toán, vẽ, so sánh, phân tích, giải thích, đọc, tóm tắt, trao đổi, làm rõ, đánh giá, biểu diễn, thao tác, bảo quản, sử dụng, khắc phục, liên hệ, nhận định, lựa chọn, nhận thức, xác định.
<b>Vận dụng</b>	Khai thác, tạo lập, vận hành, xác định thông số, chăm sóc, bảo dưỡng, đề xuất, thử nghiệm, điều chỉnh, lập kế hoạch, chế tạo, kiểm tra, thử nghiệm, hoàn thiện, thiết kế, phân tích, thực hiện, lắp ráp.

Bảng 2. Mô tả mức độ năng lực

Mục tiêu	Mô tả cấp độ nhận thức	Diễn đạt theo mục tiêu năng lực
<b>Biết</b>	Học sinh nhớ được những khái niệm cơ bản của chủ đề và có thể nêu hoặc nhận ra các khái niệm khi được yêu cầu.	Kể, nêu, liệt kê, trình bày, mô tả, phân biệt,...

<b>Hiểu</b>	HS hiểu các khái niệm cơ bản và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra gần với các ví dụ học sinh đã được học trên lớp.	Giải thích, diễn giải, lí giải, so sánh, sắp xếp, tóm tắt, khái quát, lập luận,...
<b>Vận dụng</b>	HS vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng các khái niệm của chủ đề trong các tình huống tương tự nhưng không hoàn toàn giống như tình huống đã gặp trên lớp.	Thực hiện (thảo, lập, vẽ, lập, mắc,...), giải quyết, biện luận, chứng minh,... (trong điều kiện, tình huống quen thuộc).
<b>Vận dụng cao</b>	HS có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kĩ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương. Các vấn đề này tương tự các tình huống thực tế học sinh sẽ gặp ngoài môi trường lớp học.	Thực hiện (thảo, lập, vẽ, lập, mắc,...), giải quyết,... (trong điều kiện, tình huống mới).

### 5. Phân phối chương trình môn Công nghệ 3

Phân phối chương trình môn Công nghệ 3 dựa theo một số cơ sở: nội dung và yêu cầu cần đạt của môn học, định hướng phân bổ thời lượng các chủ đề của môn học; thời lượng dành cho môn học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách giáo khoa Công nghệ 3 thuộc bộ sách Cánh Diều dự kiến phân bổ thời lượng như sau (bảng 3):

Bảng 3. Dự kiến phân bổ thời lượng dạy học môn Công nghệ 3

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>
<b>Chủ đề 1. Công nghệ và đời sống</b>		
1	Bài 1. Tự nhiên và công nghệ	2

2	Bài 2. Sử dụng đèn học	4
3	Bài 3. Sử dụng quạt điện	4
4	Bài 4. Sử dụng máy thu thanh	4
5	Bài 5. Sử dụng máy thu hình	4
6	Bài 6. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình	2
<b>Chủ đề 2. Thủ công kĩ thuật</b>		
7	Bài 7. Làm đồ dùng học tập	4
8	Bài 8. Làm biển báo giao thông	4
9	Bài 9. Làm đồ chơi	4
10	Ôn tập Kiểm tra định kì	3
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>35</b>

Khi lập kế hoạch dạy học, tùy điều kiện thực tế về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên mà nhà trường và giáo viên có thể điều chỉnh cho phù hợp.

## II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 3

### 1. Cấu trúc chung sách giáo khoa Công nghệ 3

Sách giáo khoa *Công nghệ 3* được biên soạn theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS, đáp ứng yêu cầu cần đạt trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2018.

Cuốn sách vừa đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, tương ứng với sự phát triển của khoa học, kĩ thuật và công nghệ, nhưng cũng đảm bảo tính khái quát, đơn giản, gần gũi với đời sống thực tiễn nhằm tạo hứng thú và thuận lợi cho HS trong học tập. Nội dung cuốn sách được trình bày đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi của HS lớp 3. Hình thức cuốn sách được trình bày với nhiều hình vẽ đẹp, hấp dẫn, tạo hứng thú học tập cho HS.

Cấu trúc cuốn sách gồm 3 phần chính sau đây:

– **Phần đầu của sách** trình bày các nội dung Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu và Mục lục. Trang *Hướng dẫn sử dụng sách* giới thiệu các kí hiệu và lời chỉ dẫn các hoạt động dạy học. Nội dung phần đầu của sách giúp giáo viên và học sinh nhận biết được các kí hiệu sử dụng trong sách và có cái nhìn bao quát về cấu trúc và nội dung chính của cuốn sách, thuận tiện tra cứu và dễ dàng tìm được các chủ đề, bài học một cách nhanh chóng.

– **Phần thân của sách** trình bày các chủ đề và bài học một cách rõ ràng theo cấu trúc nội dung, bao gồm 2 chủ đề và 9 bài học.

– **Phần cuối của sách** trình bày *Bảng giải thích thuật ngữ* giúp GV và HS thuận lợi khi sử dụng sách; đồng thời giúp HS làm quen với việc tra cứu, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu.

Cấu trúc của sách sẽ giúp GV và HS sử dụng sách trong giảng dạy và học tập được thuận tiện.

## 2. Cấu trúc các bài học trong sách giáo khoa Công nghệ 3

Cấu trúc nội dung của bài học bao gồm:

– Tên bài.

– Mục tiêu của bài học, được đặt trong mục “Học xong bài này, em sẽ:”, thể hiện yêu cầu cần đạt cụ thể của một phần chủ đề môn học, giúp học sinh định hướng tìm hiểu, khám phá các nội dung của bài học.

– Hoạt động khởi động: Thường được trình bày với một câu hỏi hoặc yêu cầu thực hiện một nhiệm vụ, có thể kèm theo hình minh họa nhằm tạo tâm thế và hứng thú tìm hiểu, khám phá kiến thức trong bài cho HS, giúp các em hướng tới nội dung của bài học.

– Nội dung chính của bài bao gồm các mục nội dung kiến thức. Mỗi mục cung cấp một đơn vị kiến thức giúp HS hoàn thành một phần mục tiêu của bài học. Các câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ,... thường được trình bày đan xen với nội dung kiến thức tạo điều kiện thuận lợi cho GV tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

+ Với chủ đề *Công nghệ và đời sống*, bài học được cấu trúc theo các hoạt động học tập, bao gồm:

Hoạt động **Khởi động** đưa ra câu hỏi, vấn đề gợi mở để tạo hứng thú học tập và tâm thế học tập cho HS.

Hoạt động **Khám phá** là những nội dung chính của bài học, được biên soạn giúp HS hình thành kiến thức, kĩ năng mới một cách tích cực, tự lực. Trong các hoạt động còn có những câu hỏi gợi ý để HS tập trung hơn vào những nội dung chính cần học.

Hoạt động **Luyện tập** được xây dựng dưới dạng **Trò chơi** để tăng độ hứng thú của HS khi củng cố kiến thức (hoặc) hoạt động **Thực hành** với các sản phẩm công nghệ trong gia đình, giúp HS rèn luyện và phát triển kỹ năng, củng cố kiến thức đã học.

Hoạt động **Vận dụng** giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

+ Với chủ đề **Thủ công kỹ thuật**, bài học cũng được cấu trúc theo các hoạt động học tập như trên nhưng tập trung vào nội dung giới thiệu quá trình tiến hành làm một sản phẩm, bao gồm:

**1) Sản phẩm mẫu:** Giới thiệu sản phẩm mẫu mà HS cần phải tạo ra, trong đó giới thiệu các yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm để định hướng cho HS trong quá trình tạo ra sản phẩm và cũng là các tiêu chí để đánh giá sản phẩm.

**2) Chuẩn bị vật liệu và dụng cụ:** Giới thiệu cho HS những vật liệu và dụng cụ cần thiết để tạo ra sản phẩm. Trong đó có lưu ý giáo dục HS lựa chọn vật liệu phù hợp, tiết kiệm; sử dụng dụng cụ đúng cách và đảm bảo an toàn.

**3) Các bước tiến hành:** Giới thiệu cho HS các bước thao tác để tạo ra sản phẩm.

**4) Báo cáo và đánh giá:** Hướng dẫn HS giới thiệu sản phẩm và đánh giá sản phẩm.

Ngoài ra, trong nội dung của bài học còn có thêm hai mục: mục “Em có biết?” cung cấp thêm thông tin bổ ích, hấp dẫn có liên quan đến nội dung bài học để mở rộng thêm kiến thức cho HS; mục “Kiến thức cốt lõi” giúp HS nắm chắc kiến thức chủ yếu, trọng tâm của bài học một cách thuận lợi.

### III. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT SÁCH GIÁO VIÊN CÔNG NGHỆ 3

Ngoài nội dung phần thứ nhất, nội dung phần thứ hai trong sách giáo viên tập trung vào hai nhiệm vụ:

– Hỗ trợ GV trong việc lập kế hoạch bài dạy và tổ chức thực hiện dạy học trên lớp.

– Trình bày gợi ý trả lời, đáp án các câu hỏi, nhiệm vụ, bài tập được nêu ra trong bài học.

Với nhiệm vụ thứ nhất, nhằm mục đích giúp GV thuận lợi trong việc lập và thực hiện kế hoạch bài dạy, đặc biệt là gợi ý cách tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học nội dung trong bài học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, cấu trúc các bài trong sách giáo viên Công nghệ 3 bao gồm ba nội dung chính sau:

1) Mục tiêu: Phân tích mục tiêu bài dạy, thể hiện rõ thành phần, mức độ hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất HS.

2) Chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu: Chủ yếu liệt kê những công việc cần chuẩn bị của GV về phương tiện dạy học và những học liệu cần thiết.

3) Gợi ý tiến trình tổ chức dạy học: Gợi ý cách tổ chức hoạt động dạy học.

Các bài dạy thường có 4 hoạt động dạy học như đã nêu trong phần giới thiệu cấu trúc sách giáo khoa (SGK) ở trên, với tên hoạt động được đặt gần với nội dung cụ thể của mỗi câu hỏi hoặc nhiệm vụ đặt ra trong nội dung SGK.

Để gợi ý hướng dẫn GV tổ chức tốt các hoạt động này, mỗi hoạt động đều được chỉ rõ mục tiêu và cách thức tổ chức thực hiện. Trong kế hoạch bài dạy, sách cũng được biên soạn theo các dạng khác nhau để làm phong phú thêm tư liệu tham khảo cho GV.

#### **IV. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỞ BÀI TẬP CÔNG NGHỆ 3**

Vở bài tập là tài liệu bổ trợ giúp GV tổ chức hoạt động luyện tập, củng cố và vận dụng kiến thức bài học cho HS được dễ dàng, đồng thời giúp HS tăng hiệu quả sử dụng thời gian trên lớp và thuận tiện khi tự học ở nhà.

Cấu trúc các bài trong vở bài tập bám sát mục tiêu và nội dung các bài trong SGK và được viết mở rộng thành các câu hỏi hoặc yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tương tự nội dung hoạt động luyện tập, thực hành và vận dụng trong sách GV.

Các câu hỏi, bài tập trong vở bài tập còn là nguồn tư liệu tham khảo cho GV khi thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

\* \* \*

Ngoài sách giáo viên và vở bài tập, bộ sách Công nghệ 3 thuộc bộ sách Cánh Diều còn có học liệu điện tử để hỗ trợ GV khi lập kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học. Có thể tìm các học liệu này trong <https://www.hoc10.com>.

**Chủ đề 1 CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG****BÀI 1. TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ****I. MỤC TIÊU**

Bài học này nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực và phẩm chất, với những biểu hiện cụ thể như sau:

**1. Năng lực**

a) *Năng lực công nghệ*

*Năng lực nhận thức công nghệ*

- Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.
- Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình để sử dụng được lâu bền.

b) *Năng lực chung*

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Hình thành thói quen trao đổi, thảo luận, hợp tác và giúp đỡ nhau trong nhóm, lớp để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**2. Phẩm chất**

*Chăm chỉ:* Học tập và tìm hiểu công nghệ để vận dụng vào cuộc sống hằng ngày, có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.

**II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Một số tranh giáo khoa về các hình ảnh trong bài 1; hoặc máy tính có các hình ảnh trong SGK, hình ảnh liên quan đến bài học và máy chiếu.
- Một số tranh ảnh về đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ (nếu có).



### III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### A. Cấu trúc bài học

Bài học gồm có hai nội dung chính như sau:

– *Nội dung 1*: Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

– *Nội dung 2*: Sản phẩm công nghệ trong gia đình.

Cấu trúc bài học gắn liền các hoạt động: khởi động, khám phá, luyện tập và vận dụng. Mỗi nội dung được thiết kế thành các hoạt động khám phá đan xen cùng hoạt động luyện tập được tổ chức dưới dạng trò chơi.

#### B. Tổ chức hoạt động dạy học

##### Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu*: Khai dậy kiến thức sẵn có của HS để tìm hiểu về những sự vật xung quanh liên quan đến đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV đưa ra hình ảnh của nhiều sự vật, trong đó có một hoặc một số sự vật là sản phẩm do con người tạo ra và một số sự vật tồn tại trong tự nhiên không phải do con người tạo ra rồi yêu cầu HS cho biết đâu là sản phẩm do con người tạo ra.

Hình ảnh trong SGK đưa ra có núi, biển và con tàu. GV có thể đặt câu hỏi:

– Trong hình có những sự vật (vật) gì, trong đó sự vật nào do con người tạo ra, sự vật nào không phải do con người tạo ra?

\* *Gợi ý trả lời*: Núi và biển là đối tượng tự nhiên, con tàu là sản phẩm công nghệ (do con người tạo ra).

HS sẽ suy nghĩ và trao đổi với bạn trong nhóm rồi đại diện các nhóm xung phong trả lời trước lớp.

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt đến chủ đề bài học về đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

#### 1. Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ

##### Hoạt động 2: Tìm hiểu về đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ

a) *Mục tiêu*: Nhận biết được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV chiếu các hình 1, 2, 3, 4 ở mục 1 trang 6 SGK lên màn chiếu (hoặc treo tranh phóng to nếu có) và yêu cầu HS cho biết đâu là đối tượng tự nhiên, đâu là sản phẩm công nghệ.

HS xem hình trong SGK và suy nghĩ, thảo luận theo cặp/nhóm rồi cá nhân đại diện nhóm xung phong trình bày kết quả làm việc trước lớp; HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời, có thể gợi ý HS:

– Hình 1 thể hiện cây cối mọc tự nhiên, nếu không có tác động của con người thì cây vẫn phát triển. Hình 4 là hình ảnh hang động trong núi, nhìn cảnh ngoài hang và đặc điểm trong hang có thể thấy hang này được hình thành do biến đổi địa chất tự nhiên, không có dấu tích đục đẽo của con người. Như vậy, cây ở hình 1 và hang động ở hình 4 là có sẵn trong tự nhiên (không phải do con người tạo ra) và được gọi là đối tượng tự nhiên.

– Sách trong hình 4 do con người tạo ra nên nó là sản phẩm công nghệ.

– Trong hình 2 có hai loại sự vật: ngôi nhà và cây cối. Ngôi nhà do con người tạo ra nên là sản phẩm công nghệ, còn cây cối quanh ngôi nhà được xếp vào đối tượng tự nhiên.

\* *Gợi ý trả lời:* Cây cối trong hình 1, hình 2, hang động trong hình 4 là đối tượng tự nhiên; ngôi nhà trong hình 2 và sách ở hình 3 là sản phẩm công nghệ.

Cuối cùng GV chốt lại khái niệm về đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ:

– Đối tượng tự nhiên là những sự vật (vật) có sẵn trong tự nhiên.

– Sản phẩm công nghệ là những vật do con người tạo ra.

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

a) *Mục tiêu:* Nhận biết được sự khác nhau giữa đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

b) *Tổ chức thực hiện:* Thực hiện trò chơi “Ai kể đúng?”.

GV phổ biến luật chơi: Trò chơi được tổ chức trong nhóm (khoảng 4 – 8 HS). Dựa vào khái niệm “Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ” đã nói ở trên, luân phiên thứ tự theo vòng tròn mỗi bạn sẽ kể ra một đối tượng tự nhiên (ví dụ “Biển là đối tượng tự nhiên.”), hoặc một sản phẩm công nghệ (ví dụ “Ti vi là sản phẩm công nghệ.”). Các bạn khác nghe và đánh giá, ai kể đúng được 1 điểm thưởng, kể sai (ví dụ “Máy thu thanh là đối tượng tự nhiên.”) hoặc lặp lại cái mà bạn trước đã kể thì không được điểm, ai chậm nghĩ ra thì chuyển qua bạn kế tiếp. Thực hiện luân phiên liên tục cho đến khi không ai kể được nữa thì dừng lại và tổng kết điểm. Bạn được nhiều điểm nhất sẽ được đại diện nhóm để tham dự cuộc chơi của lớp (nếu có).

GV tổ chức cuộc chơi giữa những đại diện xuất sắc của các nhóm. Bạn nào đạt điểm cao nhất sẽ được phong danh hiệu quán quân của lớp, được tặng phần thưởng nào đó (vỗ tay, kẹo, bút chì, viên tẩy,...).

Trong quá trình các nhóm tổ chức hoạt động, GV theo dõi và có thể nhận xét hoặc hướng dẫn để HS không đi lạc chủ đề.

## 2. Sản phẩm công nghệ trong gia đình

### Hoạt động 4: Tìm hiểu sản phẩm công nghệ trong gia đình

a) *Mục tiêu:* Nhận biết được sự khác nhau giữa sản phẩm công nghệ trong gia đình với các sản phẩm công nghệ nói chung.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV chiếu hình ảnh (hoặc treo tranh ảnh phóng to) thể hiện các sản phẩm công nghệ ở mục 2 trang 8 và yêu cầu HS phân biệt đâu là sản phẩm công nghệ được sử dụng trong gia đình.

\* *Gợi ý trả lời:* máy ủi, xe buýt không phải là sản phẩm công nghệ trong gia đình.

HS xem hình trong SGK, suy nghĩ, bàn luận theo cặp/nhóm về tác dụng của từng sản phẩm công nghệ được sử dụng trong gia đình, sau đó cá nhân đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.

### Hoạt động 5: Tìm hiểu tác dụng của sản phẩm công nghệ trong gia đình

a) *Mục tiêu:* Nêu được tác dụng của sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV tiếp tục chiếu hình ảnh (hoặc treo tranh ảnh phóng to) thể hiện các sản phẩm công nghệ ở mục 2 trang 8 và yêu cầu HS nêu tác dụng của từng sản phẩm công nghệ trên hình được sử dụng trong gia đình.

\* *Gợi ý trả lời:* Tí vi dùng để cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức và giải trí; quạt điện dùng để làm mát hoặc thông gió; nồi cơm điện dùng để nấu cơm; đèn học dùng để chiếu sáng khi học bài.

HS xem hình trong SGK, suy nghĩ, bàn luận theo cặp/nhóm về tác dụng của từng sản phẩm công nghệ được sử dụng trong gia đình, sau đó cá nhân đại diện nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

GV có thể hỏi chi tiết thêm để gợi ý rồi chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện câu trả lời.

### Hoạt động 6: Tìm hiểu cách giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình

a) *Mục tiêu:* Biết và có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV chiếu hình hoặc cho HS quan sát hình trong SGK, yêu cầu HS cho biết vì sao mọi người muốn các sản phẩm công nghệ trong gia đình sử dụng được lâu, bền. Tiếp theo, GV yêu cầu HS nêu cách giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình. HS làm việc theo cặp/nhóm, sau đó làm việc cả lớp.

\* *Gợi ý trả lời:* Để sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình được an toàn, tiết kiệm và lâu bền cần chú ý: chỉ sử dụng khi cần, sử dụng đúng chức năng, di chuyển nhẹ nhàng, vệ sinh thường xuyên,...

Đại diện nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, HS khác nhận xét và bổ sung. Sau đó, GV có thể gợi ý, bổ sung.

### **Hoạt động 7: Luyện tập**

a) *Mục tiêu:* Nắm vững được tác dụng của các sản phẩm công nghệ trong gia đình.

b) *Tổ chức thực hiện:* Thực hiện trò chơi “Nghe tác dụng, đoán sản phẩm”.

GV chiếu hình ảnh (hoặc treo tranh phóng to) thể hiện các sản phẩm công nghệ trong gia đình ở trang 9 SGK và phổ biến luật chơi: Lần lượt mỗi bạn nêu tác dụng của 1 sản phẩm theo gợi ý ở trang 9 SGK, các bạn khác xung phong trả lời nói tên sản phẩm tương ứng với số thứ tự trên hình, ai nhanh thì được trả lời, nếu trả lời đúng thì được ghi nhận 1 điểm, nếu trả lời sai thì người xung phong nhanh tiếp theo được trả lời. Người đầu tiên đặt câu hỏi là người xung phong hoặc do GV chỉ định; người đó sẽ chọn người xung phong trả lời; người trả lời đúng sẽ chỉ định người tiếp theo đặt câu hỏi và người đặt câu hỏi tiếp theo đó sẽ chọn người xung phong trả lời. Cứ thực hiện như vậy cho đến hết sản phẩm và có thể mở rộng thêm các sản phẩm không thể hiện trên hình ảnh trong SGK rồi tổng kết điểm, bạn nào có điểm cao nhất thì được danh hiệu xuất sắc.

GV cũng có thể tổ chức cho HS chơi theo nhóm để chọn ra bạn xuất sắc chơi với các bạn xuất sắc ở các nhóm khác của lớp để chọn ra danh hiệu quán quân.

\* *Gợi ý trả lời:* Tên của sản phẩm công nghệ trong hình là: máy sấy tóc, tủ lạnh, máy thu thanh, bàn lá, máy giặt, bếp ga.

*Câu hỏi mở rộng:*

– Kể tên và nêu tác dụng của các sản phẩm công nghệ trong gia đình mà chưa được nhắc đến trong SGK.

– Em biết các đối tượng tự nhiên nào có liên quan đến các sản phẩm công nghệ trong gia đình?

\* *Gợi ý trả lời:*

– Một số sản phẩm khác như: xoong, nồi, bát đĩa, dao, kéo,...

– Đối tượng tự nhiên liên quan đến sản phẩm công nghệ trong gia đình như: tre, gỗ làm giấy, làm nhà, làm giường, tủ, bàn, ghế; đá lát nền nhà;...

### **Hoạt động 8: Vận dụng**

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình trong thực tiễn cuộc sống hằng ngày.

b) *Tổ chức thực hiện:* HS thực hiện ở nhà: Liệt kê các sản phẩm công nghệ trong gia đình mình và những việc đã làm để giữ gìn và sử dụng chúng một cách hiệu quả, sau đó trình bày và chia sẻ với các bạn trên lớp vào buổi học sau.

## BÀI 2. SỬ DỤNG ĐÈN HỌC

### I. MỤC TIÊU

Bài học này nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực và phẩm chất, với những biểu hiện cụ thể như sau:

#### 1. Năng lực

a) *Năng lực công nghệ*

\* *Năng lực nhận thức công nghệ*

- Nêu được tác dụng của đèn học.
- Nhận biết được một số loại đèn học thông dụng.

\* *Năng lực giao tiếp công nghệ*

Mô tả được các bộ phận chính của đèn học.

\* *Năng lực sử dụng công nghệ*

- Xác định vị trí đặt đèn; bật, tắt, điều chỉnh được độ sáng của đèn học.
- Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.

b) *Năng lực chung*

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô; hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

#### 2. Phẩm chất

*Chăm chỉ:* Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

### II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số tranh giáo khoa về các hình ảnh trong bài 2; hoặc máy tính có các hình ảnh trong SGK, hình ảnh liên quan đến bài học và máy chiếu.
- Thiết bị, đồ dùng dạy học: đèn học.

### III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Cấu trúc bài học

Bài học gồm có năm nội dung chính như sau:

- *Nội dung 1:* Tác dụng của đèn học.
- *Nội dung 2:* Một số loại đèn học.
- *Nội dung 3:* Các bộ phận chính của đèn học.

- Nội dung 4: Sử dụng đèn học.
- Nội dung 5: An toàn khi sử dụng đèn học.

Cấu trúc bài học gắn liền với các hoạt động khởi động, khám phá, luyện tập hoặc thực hành và vận dụng. Các nội dung được thiết kế thành các hoạt động khám phá đan xen cùng hoạt động luyện tập được tổ chức dưới dạng trò chơi hoặc thực hành sử dụng đèn học.

## B. Tổ chức hoạt động dạy học

### Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo được hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu về đèn học trong cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS quan sát hình khởi động trang 10 SGK, huy động hiểu biết của HS về đèn học và đặt câu hỏi:

- Đèn nào dưới đây được em sử dụng làm đèn học?
- Vì sao em lựa chọn đèn đó?

\* Gợi ý trả lời: Đèn số 1. Vì nó phù hợp cho việc học tập. Đèn pin có ánh sáng mạnh, chỉ dùng để đi đường hoặc soi tìm khi trời tối; đèn chùm có ánh sáng yếu, chủ yếu dùng để trang trí.

## 1. Tác dụng của đèn học

### Hoạt động 2: Tìm hiểu tác dụng của đèn học

a) Mục tiêu: Nêu được tác dụng của đèn học.

b) Tổ chức thực hiện

Phương án 1: Tổ chức dạy học theo cặp đôi.

GV tổ chức cho HS quan sát hình ở mục 1 trang 10 SGK, yêu cầu HS nêu tác dụng của đèn học. HS làm việc theo cặp sau đó làm việc cả lớp. GV gọi đại diện 1 – 2 HS trình bày tác dụng của đèn học. GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung.

GV yêu cầu HS kể thêm một số tác dụng khác của đèn học mà em biết.

Phương án 2: Sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn.

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm. HS đưa ra ý kiến cá nhân về tác dụng của đèn học sau đó HS thảo luận thống nhất ý kiến chung của nhóm về tác dụng của đèn học. GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả. Yêu cầu các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết thúc hoạt động này, GV cùng HS chốt kiến thức về tác dụng chính của đèn học: chiếu sáng. Ngoài ra, đèn học còn có tác dụng: làm giảm mỏi mắt, chống cận thị, giúp tập trung học tập, trang trí cho góc học tập, tích hợp thêm hộp đựng bút, tích hợp quạt,...

### Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức về tác dụng của đèn học để giải thích được sự cần thiết của đèn học.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS đóng vai tình huống trong sách giáo khoa. GV đặt câu hỏi: Trong tình huống trên ai đúng, ai sai?

\* *Gợi ý trả lời:* Chỉ đúng.

Kết thúc hoạt động này, GV gọi HS nhắc lại tác dụng của đèn học.

## 2. Một số loại đèn học

### Hoạt động 4: Tìm hiểu về một số loại đèn học

a) *Mục tiêu:* Nhận biết được một số loại đèn học.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV tổ chức cho HS quan sát hình trong mục 2 trang 11 SGK, HS làm việc theo cặp để so sánh điểm khác nhau giữa hai loại đèn. GV gọi đại diện 1 – 2 HS trình bày điểm khác nhau của hai loại đèn, sau đó yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung.

Kết thúc hoạt động này, GV cùng HS chốt kiến thức về một số loại đèn học: Đèn học sử dụng loại công tắc bật, tắt, không điều chỉnh được độ sáng; đèn học sử dụng loại công tắc vừa bật, tắt vừa điều chỉnh được độ sáng.

## 3. Các bộ phận chính của đèn học

### Hoạt động 5: Tìm hiểu cấu tạo của đèn học

a) *Mục tiêu:* Mô tả được các bộ phận chính của đèn học.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm cặp đôi bằng cách quan sát hình ảnh trong mục 3 trang 12 SGK để chỉ và nêu chức năng từng bộ phận chính của đèn học.

GV có thể gọi một số HS lên bảng, chỉ vào hình ảnh (hoặc đèn học thật) đọc tên và nêu chức năng của từng bộ phận; hoặc tổ chức chơi trò chơi “Cái gì đây?” (Một bạn chỉ vào một bộ phận của đèn hỏi to: “Cái gì đây?”, bạn còn lại có nhiệm vụ đọc đúng tên và nêu chức năng của bộ phận đó).

GV gọi HS trả lời câu hỏi: Bộ phận nào dùng để bật, tắt và điều chỉnh độ sáng của đèn?

\* *Gợi ý trả lời:* Công tắc.

Kết thúc hoạt động này, GV cùng HS chốt kiến thức về các bộ phận chính của đèn học gồm: đế đèn, công tắc, bóng đèn, chụp đèn, thân đèn, dây nguồn.

## 4. Sử dụng đèn học

### Hoạt động 6: Tìm hiểu cách đặt và điều chỉnh đèn học

a) *Mục tiêu:* Xác định được vị trí đặt đèn, cách điều chỉnh đèn.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV yêu cầu HS đặt đèn học lên trên bàn học như vị trí đặt đèn học khi ngồi học ở nhà, GV đặt câu hỏi:

- Đèn học nên đặt bên trái hay bên phải người học?
- Điều chỉnh đèn như thế nào để không gây chói mắt?

\* *Gợi ý trả lời:*

– Đèn học nên đặt ở phía bên trái người học (vì tay viết là tay phải).  
– Điều chỉnh công tắc để có độ sáng vừa phải, điều chỉnh hướng chiếu sáng để ánh sáng không chiếu thẳng trực tiếp vào mắt.

Kết thúc hoạt động này, GV sử dụng hình ảnh trong mục 4 trang 12 SGK để chốt kiến thức: Đặt đèn học ở vị trí chắc chắn phía bên trái người học. Điều chỉnh đèn có độ sáng vừa phải, điều chỉnh hướng chiếu sáng để ánh sáng không chiếu thẳng vào mắt gây chói mắt.

**Hoạt động 7: Tìm hiểu trình tự các thao tác sử dụng đèn học**

a) *Mục tiêu:* Xác định được trình tự các thao tác sử dụng đèn học.

b) *Tổ chức thực hiện*

Phương án 1: Tổ chức hoạt động cá nhân.

GV tổ chức cho HS viết trình tự các thao tác sử dụng đèn học. GV nhận xét, đánh giá, điều chỉnh.

Phương án 2: Tổ chức chơi trò chơi.

GV phát cho các nhóm thẻ màu về trình tự thao tác sử dụng đèn học và ba mũi tên để chơi trò chơi “Ai nhanh hơn?”. Khi có hiệu lệnh của GV, HS dùng thẻ màu và mũi tên xếp đúng trình tự thao tác sử dụng đèn lên bảng nhóm.

Kết thúc hoạt động này, GV chốt lại kiến thức cho HS về trình tự thao tác sử dụng đèn: Đặt đèn đúng vị trí → Bật đèn → Điều chỉnh độ sáng và hướng chiếu sáng → Tắt đèn khi không sử dụng.

**Hoạt động 8: Thực hành**

a) *Mục tiêu:* Thực hành một số thao tác khi sử dụng đèn học (đặt đèn, bật, tắt, điều chỉnh độ sáng, hướng chiếu sáng, tắt đèn).

b) *Tổ chức thực hiện*

GV cho HS làm việc theo nhóm để HS tự thực hiện các hoạt động đặt đèn học; bật đèn, điều chỉnh độ sáng, điều chỉnh hướng chiếu sáng, tắt đèn. Bước 1: HS tự thực hiện và điều chỉnh cho nhau. Bước 2: GV chọn một số bạn lên thực hiện lại hoạt động thực hành, HS khác quan sát và nhận xét.

**5. An toàn khi sử dụng đèn học**

**Hoạt động 9: Tìm hiểu các tình huống mắt an toàn khi sử dụng đèn học**

a) *Mục tiêu:* Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mắt an toàn khi sử dụng đèn học.



b) Tổ chức thực hiện

Phương án 1: Tổ chức hoạt động nhóm đôi.

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi bằng cách quan sát hình ảnh trong mục 5 trang 13 SGK và mô tả các tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học. GV gọi 4 nhóm đôi, mỗi nhóm mô tả một tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học ở một tranh, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. Tương ứng với từng tranh về mất an toàn mà nhóm HS trình bày, GV đặt câu hỏi: Để phòng tránh tình huống mất an toàn đó khi sử dụng đèn học, em cần phải làm gì?

\* *Gợi ý trả lời:* Hình 1: cần đặt đèn học ở vị trí chắc chắn; hình 2: không sử dụng đèn có ánh sáng yếu hoặc nhấp nháy; hình 3: điều chỉnh hướng chiếu sáng không để ánh sáng chiếu thẳng vào mắt; hình 4: không sờ tay vào bóng đèn khi đèn đang sáng.

Phương án 2: Tổ chức dạy học theo trạm.

GV chia bốn hình ảnh tương ứng với bốn tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học thành 4 trạm. Nhiệm vụ của mỗi trạm là: Quan sát hình ảnh thực hiện nhiệm vụ sau:

- Mô tả tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học được thể hiện trong hình.
- Để phòng tránh tình huống mất an toàn đó khi sử dụng đèn học, em cần phải làm gì?

\* *Gợi ý trả lời:* (Xem gợi ý trả lời của phương án 1).

Kết thúc quá trình, 4 nhóm HS sẽ được tìm hiểu toàn bộ kiến thức về tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học thông qua mỗi trạm.

### Hoạt động 10: Thực hành

a) *Mục tiêu:* Xác định được cách sử dụng đèn học an toàn.

b) *Tổ chức thực hiện*

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm. Nhiệm vụ của các nhóm là thảo luận cách sử dụng đèn học an toàn.

Kết thúc thời gian thảo luận, GV có thể cho HS treo sản phẩm dưới dạng “phòng tranh”. Các nhóm lần lượt nhận xét sản phẩm của các nhóm khác. GV chốt lại những kiến thức chính xác của các nhóm thảo luận về cách sử dụng đèn học an toàn.

### Hoạt động 11: Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức về an toàn khi sử dụng đèn học để xác định được đâu là việc nên và không nên khi sử dụng đèn học.

b) *Tổ chức thực hiện*

Phương án 1: Tổ chức hoạt động cá nhân.

GV tổ chức cho cá nhân HS tự đọc nội dung trong SGK để xác định đâu là việc nên làm và không nên làm khi sử dụng đèn học. GV gọi lần lượt HS đọc to nội dung từng thẻ rồi nói rõ là thẻ nên hay không nên, các HS khác giơ tay để thể hiện sự đồng ý.

Mang cuộc sống vào bài học  
Đưa bài học vào cuộc sống



## BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 Cánh Diều

1. Tiếng Việt 3 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 3 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 3
4. Tự nhiên và Xã hội 3
5. Giáo dục thể chất 3
6. Tin học 3
7. Công nghệ 3
8. Âm nhạc 3
9. Mĩ thuật 3
10. Hoạt động trải nghiệm 3
11. Tiếng Anh 3 Explore Our World

### TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 3 (Cánh Diều)  
THEO TỪNG MÔN HỌC



Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập  
website bộ sách Cánh Diều: [www.hoc10.com](http://www.hoc10.com)

SỬ DỤNG  
TEM CHỐNG GIẢ

ISBN 978-604-309-998-0



9 786043 099980